TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 186/2025/HNGĐ-ST
Ngày 10– 4 – 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Lâm Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Tám

Ông Huỳnh Văn Sức

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa***: Ông Lê Thanh Phong– Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 4 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 682/2024/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 34/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị X, sinh năm 1995, nơi cư trú tổ D, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Lê Quốc T, sinh năm 1993, nơi cư trú tổ G khóm C, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang.

(Bà X có đơn xin vắng mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn trình bày:

Bà X và ông Lê Quốc T tự tìm hiểu quen biết nhau, được cha mẹ chấp thuận tổ chức lễ cưới năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang, sau đám cưới vợ chồng tiếp tục đi làm công ty. Quá trình chung sống hạnh phúc được khoảng 6 năm thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau, không phù hợp tính tình, bất đồng quan điểm, ông T không lo chí thú làm ăn, rượu chè cờ bạc, cá độ ,nhiều lần phát hiện ông T quen biết người phụ nữ khác bên ngoài, nhưng vì thương con bỏ qua, nhưng ông T không sửa đổi, đến khoảng tháng 3/2023 ly thân, suốt thời gian vợ chồng ly thân thỉnh thoảng ông T có gọi điện

cho con gái thăm hỏi việc học hành của con, chứ vợ chồng không nói chuyện cũng không hàn gắn tình cảm vợ chồng, hiện nay ông T đã có gia đình khác, bà không còn tình cảm với ông T, không muốn tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân, yêu cầu ly hôn với ông Lê Quốc T

+ Về con chung: có 02 con chung tên Lê Thị Thảo Q, sinh ngày 17/12/2010 và Lê Minh T1, sinh ngày 12/11/2015. Hiên 02 con chung đang sống với bà X, bà yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ phải thu phải trả: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do cho thấy bị đơn không chấp hành đúng quy định Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ly hôn với ông Lê Quốc T, giao 02 con chung tên Lê Thị Thảo Q, sinh ngày 17/12/2010 và Lê Minh T1, sinh ngày 12/11/2015 cho bà X được nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ phải thu phải trả: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn bị đơn có nơi cư trú tại huyện P, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: cả hai tự nguyện tìm hiểu quen nhau tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 97/2014 ngày 03/6/2014 do Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang cấp là hôn nhân hợp pháp. Bà X cho rằng vợ chồng mâu thuẫn do rạn nứt tình cảm là do ông T không lo làm ăn, ăn chơi cờ bạc, có biểu hiện không chung thuỷ, bà X nhiều lần khuyên nhưng ông T không thay đổi tính tình, bà và ông đã ly thân từ giữa năm 2023 đến nay. Quá

trình tố tụng, ông T cũng không thể hiện ý kiến và đến hoà giải. Xét thấy, hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà X yêu cầu ly hôn là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: hiện đang sống với bà X, để đảm bảo môi trường phát triển của cháu tiếp tục giao 02 con chung cho cho bà X tiếp tục nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà X không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: bà Phạm Thị X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9; Điều 51, 53, khoản 1 Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147 khoản 1 Điều 273, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị X

1. Về hôn nhân gia đình: bà Phạm Thị X được ly hôn với ông Lê Quốc T

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Lê Thị Thảo Q, sinh ngày 17/12/2010 và Lê Minh T1, sinh ngày 12/11/2015 cho bà Phạm Thị X được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến thành niên hoặc tự lập được. Ông Lê Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà X cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định

3. Về tài sản chung: Không

4. Về nợ chung: Ghi nhận bà X trình bày không có nợ chung, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí: Bà Phạm Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011678 ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Ông Lê Quốc T không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân
- UBND thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang
- TAND tỉnh An Giang
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Lâm Bảo Ngọc